

Số: 197 /TTYT-KH
V/v hướng dẫn thực hành cấp CCHN
Theo Thông tư số: 21/2020/TT-BYT

Thới Bình, ngày 30 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH

Hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sỹ y khoa tại Trung tâm Y tế huyện Thới Bình

Thực hiện Thông tư 21/2020/TT-BYT ngày 30/11/2020 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sỹ y khoa;

Trung tâm Y tế huyện Thới Bình xây dựng kế hoạch “Hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sỹ y khoa tại Trung tâm Y tế huyện Thới Bình ” như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đào tạo thực hành, cập nhật nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu theo vị trí việc làm, xác nhận thời gian thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa cho đối tượng bác sỹ y khoa;

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành, đủ điều kiện để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa cho đối tượng bác sỹ y khoa, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng được nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

1. Yêu cầu

- Người thực hành (là bác sỹ y khoa) được thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành (Người hướng dẫn thực hành đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 16 nghị định số 109/2016/NĐ-CP);

- Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành;

- Người thực hành phải đảm bảo hoàn thành đầy đủ thời gian 18 tháng và theo đầy đủ chuyên khoa theo quy định của Thông tư 21/2020/TT-BYT ngày 30/11/2020 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sỹ y khoa;

- Trung tâm Y tế có trách nhiệm phân công người hướng dẫn phải bảo đảm phù hợp về chuyên môn, năng lực của người hướng dẫn thực hành (Người hướng dẫn thực hành đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 16 nghị định số 109/2016/NĐ-CP).

II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng thực hành là các Bác sỹ y khoa (người có văn bằng bác sỹ y khoa, bác sỹ đa khoa hoặc cử nhân y khoa đã được đào tạo bổ sung theo quy định của Thông tư số 42/2018/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đào tạo bổ sung đối với người có văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp để được công nhận là bác sỹ).

Các bác sỹ y khoa sau khi được Trung tâm Y tế huyện Thới Bình tiếp nhận thực hành sẽ được ký Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 109/2016/NĐ-CP và phân công cụ thể đến người hướng dẫn thực hành của từng chuyên khoa cụ thể.

2. Thời gian áp dụng

Bắt đầu từ ngày 10 tháng 04 năm 2021

III. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ NỘI DUNG ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

1. Hình thức đào tạo thực hành

- Hướng dẫn thực hành lâm sàng tại các khoa lâm sàng, thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

2. Chương trình, nội dung đào tạo thực hành

Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở chuẩn năng lực của bác sỹ đa khoa đã được Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tại Quyết định số 1854/QĐ-BYT ngày 18 tháng 05 năm 2015; các kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo tại các trường chuyên ngành y cho bác sỹ đa khoa, bác sỹ y khoa và dựa trên phạm vi hoạt động chuyên môn của bác sỹ đa khoa theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 35/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2019 (*có phụ lục I kèm theo*)

IV. THỜI GIAN THỰC HÀNH

1. Thời gian thực hành

Tổng thời gian thực hành: 18 tháng, cụ thể:

- + Thời gian thực hành chuyên khoa Nội trong đó có Hồi sức cấp cứu: 5 tháng;
- + Thời gian thực hành chuyên khoa Ngoại: 3 tháng;
- + Thời gian thực hành chuyên khoa Sản phụ khoa: 3 tháng;
- + Thời gian thực hành chuyên khoa Nhi: 4 tháng;
- + Thời gian thực hành một số kỹ thuật của chuyên khoa khác (tai mũi họng, răng hàm mặt, mắt, da liễu, phục hồi chức năng, y học cổ truyền): 3 tháng.

- Tập huấn các quy định pháp luật về quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp ứng xử của hành nghề khám bệnh, chữa bệnh...: Tổng thời lượng 20 buổi (Mỗi buổi 4 tiết)

2. Chi phí hướng dẫn thực hành

- Trung tâm Y tế huyện Thới Bình xác định chi phí thực hành theo nguyên tắc

tính đúng, tính đủ chi phí để hướng dẫn thực hành trên cơ sở lấy thu bù chi; Việc hạch toán, thu chi, thanh quyết toán phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Dựa vào quy chế chi tiêu nội bộ.

- Mức thu: 200.000đ/01 học viên/ tháng

Lưu ý: Người thực hành phải bảo đảm hoàn thành đầy đủ nội dung thực hành và bảo đảm đủ thời gian thực hành là 18 tháng. Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do thai sản, tai nạn hoặc vì các lý do bất khả kháng khác thì thời gian thực hành được cộng dồn nhưng ngắt quãng không quá 6 tháng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ

- Lập kế hoạch, tham mưu Ban Giám đốc và phối hợp các khoa, phòng liên quan triển khai thực hiện;

- Giao Tổ truyền thông đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử của Trung tâm Y tế

- Tập huấn các quy định pháp luật về quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp ứng xử của hành nghề khám bệnh, chữa bệnh...

- và lên lịch phân công người hướng dẫn thực hành, Học viên thực hành tại từng khoa, phòng một cách chi tiết và cụ thể;

- Giám sát quá trình thực hành chuyên môn tại các khoa lâm sàng theo đúng quy định.

- Tổng hợp bản nhận xét kết quả thực hành của các chuyên khoa, khi đủ điều kiện cấp giấy xác nhận thực hành thì trình Giám đốc cấp giấy xác nhận cho người thực hành theo mẫu 02 quy định tại Phụ lục I Nghị định số 109/2016/NĐ-CP;

- Quản lý hồ sơ theo quy định;

2. Phòng Tổ chức hành chính

- Tiếp nhận đơn đề nghị thực hành, tiếp nhận hồ sơ;

- Thực hiện hợp đồng thực hành khám chữa bệnh cho học viên;

- Ra Quyết định về việc tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh với người thực hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định 109/2016/NĐ-CP;

- Gửi danh sách báo cáo Sở Y tế theo quy định (trong vòng 10 ngày sau khi tiếp nhận thủ tục xin thực hành của học viên).

3. Phòng Tài chính kế toán

- Xác định chi phí thực hành theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí để hướng dẫn thực hành trên cơ sở lấy thu bù chi; Việc hạch toán, thu chi, thanh quyết toán phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

4. Các khoa, phòng liên quan

- Tuân thủ sự phân công về hướng dẫn thực hành của Giám đốc Trung tâm Y

tế (theo quy định khoản 2 Điều 16 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP);


- Tiếp nhận, quản lý, hướng dẫn thực hành cho học viên theo quy định;
- Nhận xét kết quả thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình;
- Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

Trên đây là kế hoạch Hướng dẫn thực hành đề cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sỹ y khoa tại Trung tâm Y tế huyện Thới Bình , đề nghị các khoa phòng, cá nhân liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Ban giám đốc;
- Các khoa, phòng;
- Như thành phần thực hiện;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Quang

PHỤ LỤC I
DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
CỦA NGƯỜI HÀNH NGHỀ LÀ BÁC SỸ CÓ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG
CHUYÊN MÔN “KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐA KHOA”

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2019/TT - BYT Ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Số TT	Số TT Theo Thỏ 27 g tư 43/2013/TT- BYT và Thông tư 21/2017/TT- BYT*	DANH MỤC KỸ THUẬT
		HỆ THẦN KINH
1	3.2457	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ' dưới da đầu đường kính dưới 10 cm
2	3.137	Xử trí tăng áp lực nội sọ
		HỆ TUẦN HOÀN
3	2.85	Điện tim thường
4	2.113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5	21.13	Nghiệm pháp dây that
6	3.180	Nuôi dưỡng người bệnh băng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7	6.69 '	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	3.203	Cầm máu (vết thương chảy máu)
9	9.6	Cấp cứu cao huyết áp
10	9.8	Cấp cứu ngừng tim
11	9.10	Cấp cứu tụt huyết áp
12	3.36	Đo áp lực động mạch liên tục
13	3.3 1	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
14	3.37	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
15	3.51	Ép lim ngoài lồng ngực
16	1.2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
17	3.141 1	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
18	3.1401	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch bằng phương pháp xâm lấn
19	3.1402	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
20	9.156	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
21	1.3	Pheo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục < 8 giờ'
22	3.47	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
		HỆ HÒ HẤP

23	2.2	Bơm rửa khoang màng phổi
24	3.102	Chăm sóc lỗ mổ- khí quản
25	1.75	Chăm sóc ống nội khí quản
26	3.179	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi
27	2.9	Chọc dò dịch màng phổi
28	2.11	Chọc hút khí màng phổi
29	3.84	Chọc thăm dò màng phổi
30	2.10	Chọc tháo dịch màng phổi
31	3.2333	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
32	3.86	Dẫn lưu màng phổi liên tục
33	9.31	Đặt Combitube
34	9.37	Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy
35	3.77	Đặt ống nội khí quản
36	9.120	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản
37	9.123	Khí dung đường thở- ở bệnh nhân nặng
38	2.32	Khí dung thuốc giãn phế quản
39	3.2330	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế điều trị giãn phế quản, áp xe phổi
40	2.28	Kỹ thuật ho có điều khiển
41	2.30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
42	2.29	Kỹ thuật tập thở' cơ hoành
43	2.31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
44	1.74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở
45		Mỏ- màng giáp nhân cấp cứu
46	10.152	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi
47	2.61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
48	3.2331	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe
49	15.221	Sơ cứu bong đường hô hấp
50	3.2189	Sơ cứu bong kỳ đầu đường hô hấp
51	3.88	Thăm dò chức năng hô hấp
52	3.101	Thay canuyn mới khí quản
53	3.82	Thở- máy không xâm nhập (thở CPAP. Thở BIPAP)
54	9.187	Thông khí áp lực dương 2 mức qua hệ thống Boussignac
55	3.107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
56	3.93	Vận động trị liệu hô hấp
57	2.14	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter

		(Đo lưu lượng đỉnh)
58	3.75	Cai máy thở
59	9.7	Cấp cứu ngừng thở
60	3.103	Làm ấm dương thớ' qua máy phun sương mù
61	9.177	Thở CPAP không qua máy thở
62	1.59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (< 8 giờ)
63	9.183	Thở oxy gọng kính
64	1.57	Thở oxy qua gọng kính (< 8 giờ)
65	9.184	Thở oxy qua mặt nạ
66	3.110	Thở oxy qua mặt nạ có túi
67	1.60	Thở' oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (< 8 giờ)
68	1.58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (< 8 giờ)
69	9.185	Thở oxy qua mù kín
70	9.186	Thở oxy qua ống chữ T
71	3.11 1	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
72	3.105	Thổi ngạt
		HỆ TIÊU HÓA
73	2.241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
74	3.172	Cho ăn qua ống thông dạ dày
75	1.224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
76	1.216	Đặt ống thông dạ dày
77	1.223	Đặt ống thông hậu môn
78	3.178	Đặt sonde hậu môn
79	2.249	Đo áp lực ổ bụng gián tiếp qua ống thông dẫn lưu bàng quang
80	2.215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
81	3.1384	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
82	1.1227	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày < 8 giờ
83	1.152	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày
84	3.176	Nuôi dưỡng người bệnh qua catheter hồng tràng
85	3.181	Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày bằng bơm tay
86	3.175	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày
87	1.225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
88	9.142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày

89	9.143	Nuôi dưỡng qua ống thông hồng tràng
90	9.147	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
91	3.173	Rửa dạ dày bằng ống Faucher và qua lúi kín
92	1.218	Rửa dạ dày cấp cứu
93	1.219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín
94	1.220	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)
95	1.222	Thụt giữ
96	2.221	Thụt tháo
97	2.337	Thụt thuốc qua đường hậu môn
98	2.243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
99	2.244	Đặt ống sonde dạ dày
100	1.240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
101	3.3399	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản
		HỆ TIẾT NIỆU
102	3.128	Bài niệu cưỡng bức
103	3.334	Chăm sóc ống thông bàng quang
104	3.161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
105	3.3534	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius
106	10.344	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc troca
107	10.359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
108	3.3533	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
109	3.3549	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu đờ rò nước tiểu
110	3.3489	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận
111	1.160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
112	2.233	Chọc bàng quang
113	1.164	Thông bàng quang
114	3.133	Thông tiểu
115	2.172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ
116	2.167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần
117	2.168	Chăm sóc sonde dẫn lưu tụ dịch- máu quanh thận/lần
118	2.171	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu
119	2.170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu
120	1.246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
121	3.1390	Thy thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu
122	9.150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu

		HỆ NỘI TIẾT
123	7.225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường
124	7.232	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường
125	7.233	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường
126	7.234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường
127	7.239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
128	7.241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện
		HỆ CƠ XƯƠNG
129	10.164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
130	16.300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt
131	1.157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
132	1.276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
133	1.277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
134	3.151	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu
135	3.2069	Nắn sai khớp thái dương hàm
136	3.2072	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
137	3.3840	Nắn, bó bột gãy xương đòn
138	13.202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh
139	3.3756	Chọc hút máu tụ khớp gối. bó bột ống
140	3.381 7	Chích áp xe phần mềm lớn
141	16.301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
142	3.2068	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tố chức
143	3.2245	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ
144	3.3825	Khâu vết thương phần mềm dài trên] Ocm
145	3.3827	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm
146	3.3903	Phẫu thuật viêm tay phần mềm ở' cơ quan vận động
147	3.4246	Tháo bột các loại
148	10.1032	Nẹp bột các loại, không nắn
149	12.321	Cắt u bao gàn
150	12.322	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay. khoeo chân, cổ chân)
		MẮT
151	14.214	Bóc gia mạc
152	14.206	Bơm rửa lệ đạo
153	14.212	Cấp cứu bong mat ban đầu

154	14.203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
155	14.204	Cắt chỉ khâu kết mạc
156	3.207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê
157	14.207	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc
158	14.169	Chích dẫn lưu túi lệ
159	14.255	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiötz)
160	14.260	Đo thị lực
161	14.205	Đốt lông xiêu; nhổ lông xiêu
162	3.1707	Khám mắt
163	14.171	Khâu da mi đơn giản
164	14.202	Lấy calci kết mạc
165	14.200	Lấy dị vật kết mạc
166	14.210	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
167	14.215	Rạch áp xe mi
168	14.218	Soi đáy mắt trực tiếp
169	14.208	Thay bìa vô khuẩn
170	14.222	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
171	14.261	Thử kính
172	14.174	Xir lý vet thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
173	14.21 1	Rửa cũng đồ
		TAI
174	15.57	Chích nhọt ống tai ngoài
175	15.56	Chọc hút dịch vành tai
176	3.2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản
177	3.2117	Lấy dị vật tai
178	15.59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
		MŨI, MIỆNG, HỌNG
179	1.52	Câm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn
180	15.145	Câm máu diêm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)
181	15.142	Câm máu mũi bằng Merocel
182	3.1960	Chích áp xe lợi
183	3.1958	Chích Áp xe lợi trẻ em
184	3.2074	Dan lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
185	1.53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
186	3.1957	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em

187	3.1926	Điều trị viêm lợi do mọc răng
188	3.2075	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
189	3.1959	Điều trị viêm lợi trẻ em
190	3.1927	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
191	2.150	Hút đờm hầu họng
192	15.147	Hút rửa mũi, xoang sau mô
193	15.222	Khí dung mũi họng
194	12.164	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm
195	15.212	Lấy dị vật họng miệng
196	15.141	Nhét bắc mũi trước
197	3.1955	Nhổ răng sữa
198	15.146	Rút meche, rút merocel hốc mũi
199	12.165	Súc rửa vòm họng trong xạ trị
200	12.135	Cắt u lưỡi lành tính
		Cơ QUAN SINH DỤC NAM
201	3.3603	cắt bó bao da qui đầu do dính hoặc dài
202	10.41 1	Cắt hẹp bao quy đầu
203	3.3608	Dẫn lưu áp xe biu/tinh hoàn
204	13.164	Khám nam khoa
205	3.3600	Rạch rộng vòng thắt nghệt bao quy đầu
		co QUAN SINH DỤC NỮ
206	12.309	Bóc nang tuyến Bartholin
207	3.2258	Chích áp xe tuyến Bartholin
208	3.3406	Chích áp xe tầng sinh môn
209	3.3407	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn đơn giản
210	12.279	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo
211	12.281	Cắt u nang buồng trứng
212	12.287	Cắt u xơ cổ tử cung
213	13.30	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
214	13.53	Cắt chi khâu vòng cổ tử cung
215	13.165	Khám phụ khoa
216	13.167	Làm thuốc âm đạo
		SAN KHOA - Sơ SINH
217	3.2259	Dẫn lưu cùng đồ Douglas
218	3.2260	Chọc dò túi cùng Douglas

219	12.267	cắt u vú lành tính
220	12.268	Mổ bóc nhân xơ vú
221	13.21	Nghiệm pháp lọt ngôi chòm
222	13.23	Theo dõi nhịp Lim thai và cơn co tử' cung bằng monitor sản khoa
223	13.29	Soi ối
224	13.33	Đỡ' đe thường ngôi chòm
225	13.34	Cal và khâu tầng sinh môn
226	13.35	Xu' trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
227	13.36	Nghiệm pháp bong rau, đỡ' rau, kiểm tra bánh rau
228	13.37	Kiểm soát tử' cung
229	13.40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
230	13.41	Khám thai
231	13.196	Khám sơ sinh
232	13.197	Chăm sóc rốn sơ sinh
233	13.38	Bóc rau nhân tạo
		DA VÀ LỚP BAO PHU
234	3.3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu
235	5.3	Điều trị bệnh da bang ngâm, tằm
236	5.73	Điều trị đau do zona bằng chiếu Laser Hé- Né
237	5.72	Điều trị loét lở máu cho người bệnh phong bằng chiếu Laser Hé- Né
238	3.2973	Điều trị sẹo lõm bằng chấm TCA
239	5.51	Điều trị u mềm lây bang nạo thương tổn
240	3.3006	Ga giường bột tale điều trị bệnh da
241	1 1.57	Ghép da dị loại điều trị vết thương bỏng
242	3.3404	Khâu lại da thì 2, sau nhiễm khuẩn
243	11.151	Nẹp cô mềm dụ' phòng và điều trị sẹo co kéo vùng cổ
244	11.12	Thay băng và chăm sóc vùng lay da
245	3.3005	Tiêm nội sẹo, nội thương tôn
246	3.1703	Cắt chỉ khâu da
247	3.3822	Cắt hoại tử tiếp tuyến 10 đến 15% diện tích CO' thể
248	3.3823	Cắt hoại tử tiếp tuyến từ dưới 10% diện tích cơ thể
249	11.77	Khám bệnh nhân bỏng, chân đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng âm sàng
250	3.1515	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu ton thương bỏng kỳ đầu.

251	3.3820	Tạo hình bằng các vật tại chỗ đơn giản
		Y HỌC CỔ TRUYỀN
252	8.26	Bó thuốc
253	8.10	Chích lễ
254	8.27	Chườm ngái
255	8.9	Cứu
256	8.25	Đặt thuốc YHCT
257	8.5	Điện châm
258		Điện châm điều trị liệt /2 người do tai biến mạch máu não
259		Điện châm điều trị đau đầu cơ năng
260		Điện châm điều trị đau that lưng
261		Điện châm điều trị đau thần kinh hông to
262		Điện châm điều trị đau vai gáy
263		Điện châm điều trị tâm căn suy nhược
264	3.508	Điện châm điều trị cảm cúm
265	3.484	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
266	3.525	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp
267	3.529	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai
268	8.485	Giác hơi
269	8.2	Hào châm
270		Hào châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
271		Hào châm điều trị đau đầu cơ năng
272		Hào châm điều trị viêm quanh khớp vai
273		Hào châm điều trị đau that lưng
274		Hào châm điều trị đau thần kinh hông to
275		Hào châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
276		Hào châm điều trị cảm cúm
277		Hào châm điều trị viêm khớp dạng thấp
278		Hào châm điều trị đau vai gáy
279		Hào châm điều trị tâm căn suy nhược
280	8.24	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
281	8.22	Sắc thuốc thang
282	8.15	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy
283	3.483	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay
284		Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu cơ năng

285		Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thắt lưng
286		Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh hông to
287		Xoa bóp bấm huyết điều trị cảm cúm
288		Xoa bóp bấm huyết điều trị đau vai gáy
289	8.414	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
290	8.391	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
291	8.406	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược
292	8.428	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp
293	8.431	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai
294	8.20	Xông hơi thuốc
295	8.21	Xông khói thuốc
296	8.3	On châm
297	8.6	Thúy châm
298	8.28	Luyện tập dưỡng sinh
		PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
299	17.11	Điều trị bằng tia hồng ngoại
300	17.16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)
301	17.17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)
302	17.31	Tập nằm đứng lưng thẳng cho người bệnh liệt nửa người
303	17.35	Tập lăn trở khi nằm
304	17.36	Lập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi
305	17.41	Tập đi với thanh song song
306	17.42	Lập đi với khung lập đi
307	17.43	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)
308	17.44	Tập đi với gậy
309	17.47	Tập lên, xuống cầu thang
310	17.48	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề,...)
311	17.54	Tập vận động chủ động
312	17.55	Tập vận động tự do tứ chi
313	17.63	Tập với thang tường
314	17.65	Tập với ròng rọc
315	17.66	rập với dụng cụ quay khớp vai
316	17.67	rập với dụng cụ chèo thuyền
317	17.70	Tập với ghe tập mạnh CO' Tứ đầu dùi

318	17.71	Tập với xe đạp lập
319	17.75	Tập ho có trợ giúp
320	3.150	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường
321	11.122	Khám bệnh nhân phục hồi chức năng sau bóng
322	11.102	Khám di chứng bóng
		TÀM THẦN
323	3.26(8	Cấp cứu người bệnh tự sát
324	6.80	ĐÍCH trị chống tái nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng naltrexon
325	3.245	Điều trị hỗ trợ cắt cơn cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các bài thuốc y học dân tộc
326	6.77	Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần
327	6.78	Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone
328	6.49	Liệu pháp giải thích hợp lý
329	6.55	Liệu pháp kích hoạt hành vi (BA)
330	6.60	Liệu pháp lao động
331	6.59	Liệu pháp lái thích ứng xã hội
332	3.262	Liệu pháp tâm lý gia đình
333	3.261	Liệu pháp tâm lý nhóm
334	6.58	Liệu pháp thể dục, thể thao
335	6.44	Liệu pháp thư giãn luyện tập
336	6.76	Nghiệm pháp Naloxone chẩn đoán hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện
337	6.33	Thang đánh giá bồn chồn bất an - BARNES
338	6.24	Thang đánh giá hoạt động hàng ngày (ADLS)
339	6.36	Thang đánh giá hội chứng cai rượu CIWA
340	6.7	Thang đánh giá ỉu âu - trầm cảm - stress (DASS)
341	6.35	Thang đánh giá mức độ sử dụng rượu (Audit)
342	6.3	l hang đánh giá trầm cảm ở cộng đồng (PHQ - 9)
343	6.6	Thang đánh gia trầm cảm sau sinh (EPDS)
344	3.253	Thang đánh giá triệu chứng ngoại tháp (SIMPSON)
345	6.32	Thang đánh giá vận động bất thường (AIMS)
346	6.31	Trắc nghiệm rối loạn giấc ngủ (PSQI)
347	3.237	Trắc nghiệm tâm lý Beck
348	3.238	Trắc nghiệm tâm lý Zung

349	6.48	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình
350	6.71	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần
351	6.70	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần
352	6.259	Xử trí người bệnh không ăn
353	6.257	Xử trí người bệnh kích động
354	6.66	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần
355	6.72	Xử trí trạng thái sang rượu
		ĐIỆN QUANG
356	9.22	Chụp X-quang cấp cứu tại giường
357	2.314	Siêu âm ổ bụng
		XÉT NGHIỆM
358	3.225	Định lượng nhanh CK-MB trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
359	3.223	Định lượng nhanh D-Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
360	3.224	Định lượng nhanh Myoglobin trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
361	3.222	Định lượng nhanh NT-ProBNP trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
362	3.221	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay
363	3.217	Định tính chất độc trong máu bằng test nhanh
364	3.214	Định tính chất độc trong nước tiểu bằng test nhanh
365	3.216	Đo lactat trong máu
366	3.213	Làm test nhanh chẩn đoán ngộ độc cấp
367	1.5	Làm test phục hồi máu mao mạch
368	1.282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
369	3.220	^hát hiện benzodiazepin bằng Anexate
370	3.219	^hát hiện opiat bằng Naloxone
371	6.74	Test nhanh phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu
372	6.73	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu
373	3.226	Xác định nhanh INR/PT/ Quick tại chỗ bằng máy cầm tay
374	3.191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường
375	23.201	Định lượng protein niệu
376	22.279, 22.280, 22.283	Định nhóm máu ABO
377		-ấy mẫu, vận chuyển mẫu bệnh phẩm xét nghiệm

DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁC

378	1.275	Băng bó vết thương
379	1.269	Băng ép bất động SO' cứu ran cần
380	1.65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
38]	1.245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử
382	15.302	Cắt chỉ sau phẫu thuật
383	3.382]	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản
384	12.92	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mắt đường kính dưới 5 cm
385	9.11	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong
386	1.305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
387	9.12	Chăm sóc catheter động mạch
388	9.13	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
389	15.304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
390	3.3910	Chích hạch viêm mil
39]	3.3032	Chích rạch áp xe lớn. dẫn lưu
392	3.3031	Chích rạch áp xe nhỏ
393	3.163	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm
394	3.2354	Chọc dịch màng bụng
395	1.202	Chọc dịch tủy sống
396	3.2356	Chọc hút áp xe thành bụng
397	3.2261	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ
398	9.15	Chọc tĩnh mạch cánh ngoài
399	9.16	Chọc tĩnh mạch đùi
400	9.20	Chọc tủy sống đường giữa
40]	9.21	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật
402	3.2355	Dẫn lưu dịch màng bụng
403	3.164	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu
404	3.33	Đặt catheter động mạch
405	3.28	Đặt catheter tĩnh mạch
406	9.32	Đặt dẫn lưu ngực cấp cứu
407	11.89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng
408	11.131	Đặt vị thế cho bệnh nhân bỏng
409	3.1469	Điều trị rối loạn đông máu trong ngoại khoa
410	11.126	Điều trị sẹo bong bằng băng thun áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo

411	11.120	Điều trị vết thương chặm liền bằng laser he-ne
412	1 1.171	Điều trị vết thương mạn tính bằng đèn hồng ngoại
413	3.1468	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương
414	1.45	Dùng thuốc chống đông
415	1.271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc
416	1.270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
417	3.1448	Giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương
418	3.134	Hồi sức chống sốc
419	3.4214	Hướng dẫn sử dụng bình xịt định liều
420		Khám bệnh
421	11.16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bong sâu
422	3.3261	Khâu kín vết thương thủng ngực
423	3.187	Kiểm soát đau trong cấp cứu
424	1 1.178	Kỹ thuật bơm rửa liên tục trong điều trị vết thương mạn tính phức tạp
425	3.1415	Kỹ thuật chọc tĩnh mạch cảnh ngoài
426	9.98	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da
427	11.177	Kỹ thuật massage tại chỗ trong chăm sóc vết thương mạn tính
428	11.180	Kỹ thuật sử dụng băng chun băng ép trong điều trị vết loét do giãn tĩnh mạch chi dưới
429	3.1403	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy
430	3.1409	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc
431	3.1410	Kỹ thuật truyền máu trong sốc
432	11.176	Kỹ thuật xoay chuyên bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè
433	3.2386	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng
434	1.253	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
435	1.251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
436	9.127	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật
437	9.133	Liệu pháp kim luân tĩnh mạch để tiêm thuốc
438	9.134	Liệu pháp ngực ở bệnh nhân nặng
439	9.139	Nâng thân nhiệt chỉ huy
440	3.185	Nâng thân nhiệt chủ động
441	1.229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên < 5 giờ

442	1.230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm < 8 giờ
443	3.1470	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)
444	3.2070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt
445	11.15	Rạch hoại tử bong giải thoát chèn ép
446	11.138	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do công lạnh
447	11.139	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do kiềm và các hóa chất khác
448	11.140	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do tia xạ
449	11.82	Sơ cấp cứu bỏng acid
450	1 1.83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện
451	11.81	Sơ cấp cứu bỏng do vòi tối nóng
452	11.79	Sơ cứu, cấp cứu lổn thương bỏng nhiệt
453	3.29	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu
454	11.129	Sử dụng gel silicol điều trị sẹo bỏng
455	11.13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông
456	3.1509	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông theo chỉ định
457	3.4198	Test dưới da với thuốc
458	2.163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMN4N
459	3.192	Phay băng cho các vết thương hoại tử rộng
460	1.267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lan)
461	3.1510	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.
462	11.5	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
463	11.10	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
464	11.4	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn
465	11.116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính
466	15.303	Phay băng vết mổ
467	3.3911	Phay băng, cắt chỉ
468	3.87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2)
469	9.163	Pheo dõi đường giấy tại chỗ
470	9.165	Theo dõi EtCO2
471	9.168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy
472	9.169	Theo dõi huyết áp xâm lấn bằng máy
473	9.172	Theo dõi nhịp tim qua ống nghe thực quản

474	9.175	rheo dõi thân nhiệt bằng máy
475	9.176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
476	3.2389	Tiêm bắp thịt
477	3.2388	Tiêm dưới da
478	3.2387	Tiêm trong da
479	3.210	Tiêm truyền thuốc
480	9.194	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS
481	3.1405	Truyền dịch thường quy
482	9.196	Truyền dịch trong sóc
483	3.209	[Tuyển dịch vào Lúy xương
484	9.199	[Tuyển máu trong sóc
485	1.254	Truyền máu và các che phàm máu
486	1.252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch < 8 giờ
487	9.200	Vein chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện
488	9.201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện
489	3.204	Vận chuyên người bệnh an toàn
490	1.278	Vận chuyên người bệnh cấp cứu
491	i .279	Vận chuyên người bệnh chấn thương cột sống thất lưng
492	1.280	Vận chuyên người bệnh nặng có thở máy
493	9.204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiên phẫu hoặc buồng bệnh
494	3.885	Xoa bóp đầu mặt cơ, vai gáy. tay
495	3.886	Xoa bóp lưng, chân
496	1.266	Xoa bóp phòng chống loét
497	3.887	Xoa bóp
498	9.124	Xoay tròn bệnh nhân thở máy
499	<u>1 1.80</u>	Xử lí tại chỗ kĩ thuật tổn thương bỏng